

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 30/03/2026

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ghét

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Việt Thu

2. Bà Trần Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lào - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị Huệ T, sinh ngày 01/01/1995

HKTT: Ấp C, xã V, tỉnh Cà Mau

Nơi ở hiện nay: Ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ

CCCD số: 094195014282; cấp ngày: 04/8/2025; nơi cấp: Bộ C1

Bị đơn: Anh Dương Ngọc T1, sinh ngày 26/5/1994

Địa chỉ: Ấp C, xã V, tỉnh Cà Mau

CCCD số: 094094007117

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Mai Thị Huệ T trình bày: Cuối năm 2010 chị và anh Dương Ngọc T1 xây dựng hôn nhân với nhau, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn với nhau. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, anh T1 còn thường xuyên đánh chị, đời sống chung không hạnh phúc, không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh Dương Ngọc T1.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Dương Kim T2, sinh ngày 10/7/2011 và Dương Ngọc V, sinh ngày 01/9/2018. Hiện hai con đang ở cùng với chị.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Anh Dương Ngọc T1 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đến Tòa án.

* Em Dương Kim T2 và Dương Ngọc V trình bày ý kiến: Có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là Mai Thị Huệ T.

- Ý kiến của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 28, Điều 39, Điều 244, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Về hôn nhân: Không công nhận chị Mai Thị Huệ T và anh Dương Ngọc T1 là vợ chồng;

Về con chung: Giao cháu Dương Kim T2, sinh ngày 10/7/2011 và Dương Ngọc V, sinh ngày 01/9/2018 cho chị Mai Thị Huệ T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Dương Ngọc T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị Mai Thị Huệ T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Dương Ngọc T1 có nơi cư trú tại ấp C, xã V, tỉnh Cà Mau. Căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Nguyên đơn chị Mai Thị Huệ T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Dương Ngọc T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do; Căn cứ Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Mai Thị Huệ T và anh Dương Ngọc T1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị Huệ T và anh Dương Ngọc T1 chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 9 và Điều 14 luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử không công nhận chị Mai Thị Huệ T và anh Dương Ngọc T1 là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Mai Thị Huệ T xác định có 02 con chung là Dương Kim T2, sinh ngày 10/7/2011 và Dương Ngọc V, sinh ngày 01/9/2018. Chị Thương yêu C được nuôi cháu Dương Kim T2 và Dương Ngọc V. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu T2 và cháu V đang do chị Mai Thị Huệ T trực tiếp nuôi dưỡng và sống ổn định với chị T. Cháu T2 và Cháu V có nguyện vọng được sống cùng chị T. Do vậy, để bảo vệ quyền lợi của con sau khi ly hôn, không làm xáo trộn cuộc sống cũng như ảnh hưởng đến tâm lý của con, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu Dương Kim T2, sinh ngày 10/7/2011 và Dương Ngọc V, sinh ngày 01/9/2018 cho chị Mai Thị H Thương tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Dương Ngọc T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng: Chị Mai Thị Huệ T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Mai Thị Huệ T xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Mai Thị Huệ T phải chịu án phí 300.000 đồng.

[7] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 244, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Mai Thị Huệ T và anh Dương Ngọc T1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Kim T2, sinh ngày 10/7/2011 và Dương Ngọc V, sinh ngày 01/9/2018 cho chị Mai Thị Huệ T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Dương Ngọc T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị Mai Thị Huệ T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Mai Thị Huệ T xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Mai Thị Huệ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Chị T đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000919 ngày 22/01/2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Phòng THADS KV 7- Cà Mau;*
- *VKSND KV7 – Cà Mau;*
- *TAND tỉnh Cà Mau;*
- *Lưu: HS; VT-TA.*

Phan Thị Mỹ Ghết